

Số: *14* /2022/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày *30* tháng *3* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 35/TTr-SKH ngày 23 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2022 và thay thế Quyết định số 45/2010/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *fb*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính, Ngoại giao;
- Cục KTVB QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Báo Lào Cai, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh; Công báo tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, TH4.

tau

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Xuân Trường



QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam hoạt động trên địa bàn tỉnh Lào Cai nhằm mục đích hỗ trợ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và nhân đạo không vì mục đích lợi nhuận, thương mại, chính trị, tôn giáo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân và các đối tượng khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi tắt là viện trợ) thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ thực hiện tại tỉnh Lào Cai trong Quy chế này bao gồm các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có thiện chí, tôn trọng và chấp hành luật pháp Việt Nam và quy định của tỉnh Lào Cai được quy định tại khoản 2, Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này bao gồm các cơ quan, tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam và hoạt động trên địa bàn tỉnh Lào Cai, có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của khoản viện trợ được quy định tại khoản 3, Điều 2 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trong phạm vi Quy chế này các thuật ngữ được hiểu theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Riêng đối với thuật ngữ “Cơ quan chủ quản” trong Quy chế này được hiểu là Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Điều 4. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

Việc quản lý và sử dụng viện trợ thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 5. Hành vi cấm trong sử dụng viện trợ

Các hành vi cấm trong sử dụng viện trợ thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Chương II

CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG, ĐÀM PHÁN, KÝ KẾT, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 6. Vận động, đàm phán, ký kết viện trợ

1. Công tác vận động và tiếp nhận các khoản viện trợ phải phù hợp với các quy định pháp luật Việt Nam và của tỉnh Lào Cai, phù hợp với nhu cầu, ưu tiên của từng ngành, từng địa phương trong tỉnh, định hướng và chính sách phát triển kinh tế - xã hội cụ thể của tỉnh trong từng giai đoạn.

2. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Lào Cai là cơ quan đầu mối, chủ trì phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan vận động, tìm kiếm các nguồn viện trợ và mở rộng quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Lào Cai với các cơ quan, tổ chức quốc tế.

3. Các cơ quan, tổ chức, địa phương trong tỉnh căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, lĩnh vực quản lý được giao, chủ trì hoặc phối hợp trong việc tăng cường kết nối, vận động, đàm phán, ký kết khoản viện trợ đảm bảo các yêu cầu như sau:

a) Khi các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài đến tỉnh khảo sát, làm việc liên quan đến khoản viện trợ do cơ quan, tổ chức, địa phương trong tỉnh đề xuất phải có văn bản xin ý kiến gửi Sở Ngoại vụ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh đồng ý trước khi vào tỉnh khảo sát, làm việc. Trong trường hợp, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên hệ trực tiếp với Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến khoản viện trợ chưa có địa chỉ cụ thể, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu, đề xuất văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền hoặc giao cho một cơ quan, đơn vị đầu mối của tỉnh thực hiện các thủ tục liên quan đến khoản viện trợ theo quy định;

b) Việc cung cấp tài liệu cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải đảm bảo theo đúng quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước. Không cung cấp các thông tin không liên quan đến việc xây dựng và thực hiện các khoản viện trợ, không cung cấp các thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước;

c) Các cơ quan, tổ chức đoàn thể, địa phương trong tỉnh sau khi kết thúc làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh về các nội dung thông tin, tài liệu đã được hai bên trao đổi và thống nhất liên quan đến khoản viện trợ.

4. Việc ký kết Biên bản ghi nhớ, Biên bản thỏa thuận viện trợ giữa các cơ quan, tổ chức, địa phương trong tỉnh với đại diện bên cung cấp viện trợ liên

quan đến việc triển khai khoản viện trợ chỉ được thực hiện sau khi được sự cho phép của Ủy ban nhân tỉnh. Trong trường hợp, Bên cung cấp viện trợ yêu cầu ký kết trực tiếp với đơn vị trực thuộc thì cơ quan chủ quản của đơn vị đó phải có văn bản đồng ý hoặc ủy quyền ký kết sau khi được sự cho phép của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 7. Lập, thẩm định hồ sơ khoản viện trợ

1. Lập hồ sơ khoản viện trợ

a) Chủ khoản viện trợ phối hợp với Bên cung cấp viện trợ tổ chức lập hồ sơ khoản viện trợ đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP. Kết cấu nội dung văn kiện khoản viện trợ theo mẫu tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;

b) Trường hợp khoản viện trợ có nhu cầu sử dụng vốn đối ứng là vốn đầu tư công, ngoài thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP phải được xây dựng theo quy định của Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan;

c) Trường hợp khoản viện trợ có cấu phần xây dựng, ngoài thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP phải được xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Cơ quan chủ trì thẩm định

a) Đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1, Điều 7 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi cơ quan chủ trì thẩm định là Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì thẩm định.

3. Quy trình thẩm định khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

a) Chủ khoản viện trợ phối hợp với Bên cung cấp viện trợ lập hồ sơ văn kiện khoản viện trợ gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ văn kiện khoản viện trợ theo yêu cầu thẩm định của chủ khoản viện trợ trên cơ sở các quy định tại khoản 1, Điều 7 Quy chế này;

c) Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của chủ khoản viện trợ, tùy theo tính chất và quy mô khoản viện trợ. Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản (kèm theo hồ sơ khoản viện trợ) gửi tới Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh và các cơ quan có liên quan góp ý kiến tham gia thẩm định;

d) Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến tham gia thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan có

trách nhiệm nghiên cứu, thẩm định hồ sơ khoản viện trợ và có ý kiến góp ý bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cơ quan được lấy ý kiến quá thời hạn quy định mà không có ý kiến góp ý thì được coi là đã đồng ý đối với việc tiếp nhận khoản viện trợ;

đ) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo kết quả thẩm định trên cơ sở ý kiến tham gia thẩm định của các cơ quan liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Trong trường hợp hồ sơ khoản viện trợ chưa đủ điều kiện phê duyệt thông qua việc góp ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu chủ khoản viện trợ nêu rõ những vấn đề cần bổ sung, điều chỉnh hoặc giải trình, cũng như hoàn thiện hồ sơ khoản viện trợ để có cơ sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Thời gian hoàn thiện hồ sơ khoản viện trợ không tính vào thời gian thẩm định theo quy định;

e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ khoản viện trợ cùng với báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt khoản viện trợ;

g) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt khoản viện trợ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thông báo cho Bên cung cấp viện trợ thông qua chủ khoản viện trợ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và các cơ quan có liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện;

h) Trong trường hợp hồ sơ khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ

4. Trong quá trình thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư phải làm rõ các nội dung được quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

5. Tùy thuộc vào quy mô tính chất nội dung khoản viện trợ, cơ quan chủ trì thẩm định có thể mời các cơ quan chuyên môn ở trung ương và địa phương, các tổ chức tư vấn và chuyên gia tư vấn độc lập để hỗ trợ thẩm định. Việc tổ chức thẩm định được cơ quan chủ trì tổ chức bằng hình thức tổng hợp ý kiến hoặc tổ chức hội nghị thẩm định. Ý kiến kết luận của cơ quan chủ trì thẩm định là cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ.

6. Đối với viện trợ khắc phục hậu quả, khi phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án, người đứng đầu cơ quan chủ quản không bắt buộc phải lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan.

7. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định có liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

8. Đối với các khoản viện trợ vượt thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị hồ sơ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; Đối với các khoản viện trợ khác không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư làm cơ quan đầu mối, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia ý kiến khi có yêu cầu của người đứng đầu cơ quan chủ quản.

Điều 8. Quyết định phê duyệt khoản viện trợ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khoản viện trợ trên cơ sở hồ sơ khoản viện trợ cùng với báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Nội dung quyết định phê duyệt khoản viện trợ thực hiện theo Điều 11 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 9. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các khoản viện trợ trong quá trình thực hiện

Việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nội dung khoản viện trợ trong quá trình thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Trường hợp các nội dung điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ được quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP thì Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành các thủ tục gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Đối với nội dung điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và chủ trì thẩm định các nội dung điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dẫn đến thay đổi các nội dung trong quyết định phê duyệt khoản viện trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt các nội dung điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

a) Tờ trình của chủ khoản viện trợ đề nghị thẩm định và phê duyệt điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung khoản viện trợ. Nội dung trong tờ trình cần giải trình chi tiết nội dung, lý do và giải pháp cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dẫn đến thay đổi các nội dung trong quyết định phê duyệt khoản viện trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Văn bản thống nhất của Bên cung cấp viện trợ về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung khoản viện trợ;

4. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

Chương III

QUẢN LÝ THỰC HIỆN VIỆN TRỢ

Điều 10. Tổ chức quản lý chương trình, dự án

Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ khoản viện trợ

1. Chủ khoản viện trợ phải được xác định trong quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tiếp nhận viện trợ.

2. Chủ khoản viện trợ chịu trách nhiệm:

a) Tổ chức bộ máy quản lý và thực hiện khoản viện trợ trên cơ sở quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản thuộc nguồn vốn viện trợ theo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu của bên cung cấp viện trợ. Trường hợp không thành lập Ban quản lý dự án, chủ khoản viện trợ phải mở tài khoản để tiếp nhận và giải ngân khoản viện trợ tại Kho bạc nhà nước tỉnh hoặc ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt Nam. Thực hiện các hoạt động thu, chi cho khoản viện trợ qua tài khoản trên cơ sở kế hoạch tài chính đã được phê duyệt;

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hằng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Xây dựng dự toán thu chi ngân sách nhà nước hằng năm đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Thực hiện các nhiệm vụ tại điểm c, d, đ khoản 2 và khoản 3, khoản 5, khoản 6 Điều 14 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ 06 tháng (chậm nhất vào ngày 05/7) và báo cáo hằng năm (chậm nhất vào ngày 05/01 của năm tiếp theo) cho Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan để theo dõi. Báo cáo kết thúc khoản viện trợ phải gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính) chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo trong phạm vi quản lý.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án

1. Đại diện cho chủ khoản viện trợ, trong trường hợp khoản viện trợ thực hiện theo phương thức chương trình, dự án được gọi là “Chủ dự án”, chịu trách nhiệm trước chủ dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về các quyết định của mình.

2. Thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6, khoản 7 Điều 15 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Báo cáo tình hình thực hiện chương trình, dự án, tình hình quản lý tài chính 06 tháng (chậm nhất vào ngày 03/7) và báo cáo hằng năm (chậm nhất vào ngày 03/01 của năm tiếp theo) cho chủ dự án và Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan để theo dõi.

Điều 13. Bàn giao kết quả thực hiện viện trợ

Sau khi kết thúc, chủ khoản viện trợ tổ chức nghiệm thu, đánh giá và tiến hành các biện pháp cần thiết để khai thác và bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng để khai thác sử dụng và gửi báo cáo kết thúc khoản viện trợ đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính.

Chương IV QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VIỆN TRỢ

Điều 14. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ

1. Đối với khoản viện trợ do chủ khoản viện trợ là cơ quan, tổ chức được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động, Chủ khoản viện trợ lập kế hoạch vốn chuẩn bị khoản viện trợ gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hằng năm của tỉnh theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Trong trường hợp chủ khoản viện trợ không phải cơ quan, tổ chức được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động thì tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ.

2. Đối với khoản viện trợ không thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước, chủ khoản viện trợ tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ.

3. Trường hợp Bên cung cấp viện trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị thực hiện khoản viện trợ, chủ dự án đưa nguồn vốn chuẩn bị vào tổng vốn chung của khoản viện trợ

Điều 15. Quản lý tài chính viện trợ

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ thực hiện theo Điều 20 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Mở tài khoản sử dụng vốn viện trợ

a) Tài khoản vốn đối ứng;

Tài khoản vốn đối ứng sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Chủ khoản viện trợ mở tài khoản tại hệ thống Kho bạc Nhà nước tỉnh để thực hiện việc kiểm soát, thanh toán đối với nguồn vốn đối ứng của khoản viện trợ.

Tài khoản vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước: Chủ khoản viện trợ mở tài khoản tại hệ thống Kho bạc Nhà nước tỉnh hoặc ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt Nam.

b) Tài khoản vốn viện trợ: Chủ khoản viện trợ mở tài khoản tiếp nhận vốn viện trợ tại hệ thống Kho bạc Nhà nước tỉnh hoặc ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo pháp luật của Việt Nam.

c. Kho bạc Nhà nước tỉnh tổ chức việc kiểm soát, thanh toán cho khoản viện trợ từ nguồn vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định;

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách và pháp luật khác có liên quan, cụ thể theo Điều 22 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

4. Kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền:

a) Đối với vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước. Chủ khoản viện trợ thực hiện kiểm soát chi tại Kho bạc nhà nước tỉnh theo quy định về quản lý ngân sách nhà nước, trình tự, thủ tục kiểm soát chi, hạch toán, ghi thu ghi chi thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và theo quy định từ khoản 1 đến khoản 8, Điều 23 Nghị định 80/2020/NĐ-CP;

b) Đối với viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Trước ngày 10/01 năm kế tiếp, chủ khoản viện trợ lập báo cáo quyết toán khoản viện trợ hằng năm và khi kết thúc dự án trên cơ sở số liệu giải ngân hàng quý đã đối chiếu với ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản tiếp nhận viện trợ và Bên cung cấp viện trợ gửi Sở Tài Chính (đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư) tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư không muộn hơn ngày 30 tháng 6 hằng năm;

c) Căn cứ kết quả kiểm soát, Kho bạc Nhà nước tỉnh định kỳ hằng tháng thông báo số giải ngân vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước của từng chủ tài khoản theo từng khoản viện trợ cho Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính theo quy định.

5. Quản lý vốn đối ứng

a) Vốn đối ứng được nêu tại Quy chế này áp dụng đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước nếu bên tiếp nhận viện trợ là các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP thực hiện các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, nếu bên cung cấp viện trợ có quy định cụ thể yêu cầu bố trí vốn đối ứng thông qua văn bản cam kết hoặc thỏa thuận với chủ khoản viện trợ đề xuất cụ thể nguồn vốn đối ứng trong hồ sơ văn kiện khoản viện trợ và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có quy định cụ thể về bố trí vốn đối ứng trong quyết định phê duyệt;

b) Hàng năm, cùng với việc lập dự toán ngân sách, chủ khoản viện trợ căn cứ vào thỏa thuận với bên cung cấp viện trợ và quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh lập kế hoạch vốn đối ứng và tổng hợp cùng với dự

toán thu, chi ngân sách năm của cơ quan, đơn vị gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và giao dự toán;

c) Trường hợp, các khoản viện trợ phát sinh mới chưa tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm, Chủ khoản viện trợ căn cứ vào thảo thuận với bên cung cấp viện trợ và quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh lập dự toán bổ sung gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung dự toán.

6. Việc tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ, thuế, kiểm toán các khoản viện trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 25, Điều 26 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Chương V

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VIỆN TRỢ

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan lý nhà nước

1. Văn phòng UBND tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này và các quy định khác có liên quan;

b) Thẩm tra, xem xét nội dung hồ sơ khoản viện trợ và báo cáo kết quả thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời đề xuất, kiến nghị đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Là cơ quan đầu mối, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý và sử dụng các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này;

b) Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, địa phương trong tỉnh thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và của tỉnh về lập hồ sơ, trình tự, thủ tục tiếp nhận khoản viện trợ đã được Bên cung cấp viện trợ chấp thuận và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định hiện hành; Hướng dẫn xây dựng các khoản viện trợ nhằm phục vụ cho việc tăng cường hợp tác và xúc tiến, vận động viện trợ phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng giai đoạn và các quy định pháp luật của Việt Nam;

c) Chủ trì thẩm định và tổng hợp ý kiến góp ý thẩm định của các cơ quan liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ theo thẩm quyền và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh đối với các khoản viện trợ vượt thẩm quyền phê duyệt ở địa phương;

d) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan cân đối bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ có nhu cầu sử dụng vốn đối ứng đã cam kết với Bên cung cấp viện trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá trong việc tiếp nhận, quản lý và thực hiện các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và các khoản viện trợ do người đứng đầu cơ quan chủ quản phê duyệt được triển khai trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Tổng hợp phân tích, đánh giá hiệu quả nguồn vốn viện trợ, kịp thời phát hiện và xử lý các vướng mắc, khó khăn, những vi phạm trong quá trình triển khai tiếp nhận và sử dụng viện trợ thuộc thẩm quyền và kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định những vấn đề vượt thẩm quyền;

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trao đổi với các Bộ, ngành Trung ương tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao trình độ chuyên môn, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về công tác vận động, tiếp nhận và quản lý viện trợ trên địa bàn tỉnh;

g) Tổng hợp các báo cáo định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất, dự thảo báo cáo hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất ngày 10/01 của năm tiếp sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Sở Tài chính

a) Tham gia thẩm định và góp ý kiến gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư về các khoản viện trợ theo quy định;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh; Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tiếp nhận viện trợ thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính đối với khoản viện trợ;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch hằng năm cho các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ có nhu cầu sử dụng vốn đối ứng đã cam kết với Bên cung cấp viện trợ theo quy định của Luật Ngân sách. Hướng dẫn việc quản lý vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh thực hiện các khoản viện trợ;

d) Thực hiện việc quản lý thu chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quản lý tài chính quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;

đ) Tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát về tình hình quản lý tài chính, sử dụng và thanh toán, quyết toán vốn đối với việc tiếp nhận viện trợ của các cơ quan, tổ chức tiếp nhận theo quy định;

e) Tổng hợp dự toán, quyết toán tài chính đối với các khoản viện trợ định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

4. Kho Bạc nhà nước tỉnh Lào Cai

a) Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, tổ chức về quản lý tài chính nhà nước đối với các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện công tác quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với các hoạt động kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi đối với các khoản viện trợ theo quy định.

5. Sở Ngoại vụ

a) Tham gia thẩm định và góp ý kiến gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư về các khoản viện trợ theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương. Cung cấp, chia sẻ thông tin về tình hình hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Chủ trì tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức thực hiện công tác quản lý đoàn ra, đoàn vào tỉnh theo quy định hiện hành;

c) Phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Lào Cai trong việc xúc tiến, củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác gắn với tổ chức vận động các khoản viện trợ theo nhu cầu phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn;

d) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ chức Việt Nam tỉnh Lào Cai, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Lào Cai kêu gọi cứu trợ khẩn cấp khi có thiên tai hoặc trong trường hợp cấp bách, cần thiết theo chủ trương của tỉnh.

6. Sở Nội vụ

a) Tham gia thẩm định và góp ý kiến gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư về các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo, các tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về hội, quỹ hội, quỹ từ thiện thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị;

b) Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức hoạt động trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng đường lối, chủ trương, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp xúc, làm việc và tiếp nhận các khoản viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài;

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề về công tác tôn giáo liên quan đến hoạt động viện trợ trên địa bàn tỉnh đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình tiếp nhận và sử dụng khoản viện trợ.

7. Sở Giao thông Vận tải – Xây dựng

a) Tham gia thẩm định và góp ý kiến gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với các khoản viện trợ có cấu phần xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

b) Hướng dẫn chủ khoản viện trợ (chủ dự án) thực hiện các thủ tục về đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

8. Công an tỉnh

a) Tham gia thẩm định và góp ý kiến gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với các khoản viện trợ theo quy định;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo về những vấn đề có liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội hoặc các vấn đề xâm hại đến lợi ích Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh;

c) Quản lý, hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức hoạt động trên địa bàn tỉnh trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định về bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh;

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan tham gia giám sát, kiểm tra, đánh giá việc tiếp nhận, quản lý và thực hiện các khoản viện trợ, đặc biệt về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội;

đ) Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

9. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh

a) Là cơ quan đầu mối trong việc xúc tiến, thiết lập quan hệ hợp tác và tổ chức vận động các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh. Thông qua công tác đối ngoại nhân dân, các hoạt động hữu nghị hợp tác trên các lĩnh vực, định hướng ưu tiên viện trợ của tỉnh trong từng giai đoạn để giới thiệu, quảng bá hình ảnh cũng như thu hút nguồn vốn viện trợ từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài, đặc biệt là các tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Kinh phí tổ chức xúc tiến vận động được xem xét bố trí từ ngân sách tỉnh;

b) Chủ trì xây dựng kế hoạch, chương trình xúc tiến vận động viện trợ trong từng giai đoạn cụ thể trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Định kỳ rà soát, tổng hợp các vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung về xúc tiến vận động viện trợ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao có liên quan đến công tác viện trợ từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài;

d) Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Ủy ban Mặt trận tổ chức Việt Nam tỉnh Lào Cai kêu gọi cứu trợ khẩn cấp khi có thiên tai hoặc trong trường hợp cấp bách, cần thiết theo chủ trương của tỉnh.

10. Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh

a) Tham gia thẩm định và góp ý kiến gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với các khoản viện trợ được triển khai thực hiện tại khu vực biên giới;

b) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan liên quan hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trong quá trình tiếp nhận và sử dụng khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định về bảo vệ an ninh quốc phòng khu vực biên giới.

11. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai

Chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Lào Cai kêu gọi cứu trợ khẩn cấp khi có thiên tai hoặc trong trường hợp cấp bách, cần thiết theo chủ trương của tỉnh.

12. Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Tham gia thẩm định và góp ý kiến gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với các khoản viện trợ theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý được giao cũng như tại địa bàn nơi các khoản viện trợ được đề xuất triển khai thực hiện qua hồ sơ khoản viện trợ;

b) Triển khai thực hiện và chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong việc chấp hành các quy định pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ theo các quy định hiện hành, thực hiện đúng cam kết với bên cung cấp viện trợ;

c) Hằng năm chủ động rà soát, cập nhật danh mục các khoản viện trợ kêu gọi trên cơ sở tình hình xã hội, nhu cầu thực tế và theo từng lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ, của tỉnh về chương trình hợp tác và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trong từng giai đoạn cụ thể gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật, bổ sung (nếu có);

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan trong quá trình khảo sát, lập, thẩm định các khoản viện trợ do cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài viện trợ. Thực hiện đúng các quy định trong việc mời đoàn vào, tiếp xúc làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài. Kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xin ý kiến giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài;

đ) Tiếp nhận và sử dụng nguồn viện trợ theo đúng quy định, không để xảy ra trường hợp tiếp nhận khoản viện trợ khi chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Đối với các khoản viện trợ được các Bộ, ngành ở Trung ương tiếp nhận theo thẩm quyền, phân bổ về địa phương cần kịp thời báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi phối hợp thực hiện khoản viện trợ và báo cáo kết quả thực hiện khoản viện trợ tại tỉnh Lào Cai;

e) Chỉ đạo, bố trí bộ phận chuyên môn, đơn vị trực thuộc có đủ năng lực quản lý và tổ chức thực hiện các khoản viện trợ theo từng ngành, từng địa phương. Tiến hành xử lý theo thẩm quyền các dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong quá trình vận động, tiếp nhận và sử dụng viện trợ theo quy định. Trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định;

g) Báo cáo định kỳ và thường xuyên hoặc đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện các khoản viện trợ gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan theo quy định;

h) Đối với các huyện, thị xã, thành phố giao Phòng Tài chính – Kế hoạch làm đầu mối trong việc quản lý việc sử dụng các khoản viện trợ. Theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình tiếp nhận thực hiện, giải ngân các khoản viện trợ tại địa phương.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn nghiệp vụ, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Những nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo Nghị định 80/2020/NĐ-CP và quy định pháp luật hiện hành.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, cần thay đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế, các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố và chủ khoản viện trợ gửi ý kiến bằng văn bản tới Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, đề xuất báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.